

Áp dụng Basel 3: Mục tiêu CAR & CCB đạt 10,5% vào năm 2033

Nguyễn Thanh Tùng, CFA
 Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
 tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA
 Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
 ha.phien@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4852

- Thông tư 14/2025 giữ nguyên tỷ lệ an toàn vốn (hệ số CAR) tối thiểu ở mức 8% và đưa ra hệ số mới: tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (tối thiểu 4,5%) và tỷ lệ vốn cấp 1 (tối thiểu 6%). Thông tư cũng bổ sung tỷ lệ bộ đệm bảo toàn vốn, sẽ tăng dần lên 2,5% chậm nhất vào năm 2033.
- Thông tư cũng điều chỉnh cách tính rủi ro tín dụng, và rủi ro hoạt động theo khuôn khổ Basel 3. Phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) lần đầu tiên được giới thiệu. Các quy định mới được dự báo sẽ làm giảm tổng tài sản có rủi ro tín dụng bình quân (RWA).
- Khung pháp lý mới được kỳ vọng sẽ có lợi cho các NHTM với việc cho phép đánh giá rủi ro chủ động hơn và tối ưu hóa nguồn vốn. Hầu hết các NHTM đã có đủ vốn và ít khả năng phải đối mặt với áp lực tăng vốn trong ngắn hạn.

Những thông tin chính

Thông tư 14/2025 giữ nguyên hệ số CAR tối thiểu ở mức 8% và giới thiệu về tỷ lệ vốn cấp 1 (6%) và tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (4,5%) để nâng cao chất lượng vốn tổng thể. Các ngân hàng phải nâng dần tỷ lệ bộ đệm bảo toàn vốn (CCB) lên 2,5% chậm nhất đến năm 2033, nếu không tuân thủ sẽ bị hạn chế chi trả cổ tức. Ngoài ra, tỷ lệ bộ đệm vốn phân chu kỳ (CCyB) (0-2,5%) có thể được NHNN kích hoạt để tăng cường sự ổn định tài chính trong các chu kỳ kinh tế khác nhau.

Thông tư sẽ có hiệu lực từ tháng 9/2025, cho phép tự nguyện thực hiện đến cuối năm 2029 và chuyển sang bắt buộc tuân thủ kể từ năm 2030.

Thông tư này điều chỉnh cách tính rủi ro tín dụng & rủi ro hoạt động theo khuôn khổ Basel 3. Các ngân hàng có thể áp dụng phương pháp tiêu chuẩn hoặc phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) để tính toán rủi ro tín dụng, trong khi phương pháp tiêu chuẩn thay thế phương pháp chỉ số cơ bản (BIA) cho rủi ro hoạt động. Những điều chỉnh này có thể giúp các ngân hàng giảm tổng tài sản có rủi ro tín dụng (RWA), đặc biệt là đối với các danh mục cho vay có rủi ro thấp hơn đồng thời khuyến khích các hoạt động cho vay hướng đến các khoản vay và dự án có chất lượng cao hơn, rủi ro thấp hơn, đặc biệt là đối với ngành BDS.

Tác động tích cực lên các ngân hàng nói chung

Hệ số CAR của các NHTM Việt Nam theo khuôn khổ Basel 3 dự báo sẽ cải thiện nhẹ nhưng có nhiều khả năng vẫn ở mức thấp so với khu vực. Khung pháp lý mới tác động tích cực đến ngành ngân hàng bằng cách khuyến khích quản lý rủi ro chủ động, phân bổ tài sản tối ưu và sử dụng vốn hiệu quả. Chúng tôi tin rằng các NHTM sẽ có động lực để nhanh chóng áp dụng phương pháp tiêu chuẩn theo khuôn khổ Basel 3 do dễ triển khai và có thể giảm RWA.

Áp lực tăng vốn trong ngắn hạn nhìn chung không lớn; tuy nhiên, các ngân hàng có tỷ lệ vốn tự có thấp (ví dụ: STB, BID, CTG) hoặc các ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ (ví dụ: MBB, HDB) có thể sẽ cần tăng vốn CSH sớm hơn dự kiến.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/7.

Mã CK	Giá (đồng)	Khuyến nghị		Giá mục tiêu (đồng)		Tiềm năng tăng/giảm (%)	P/E (lần)		P/B (lần)		L.suất cổ tức (%)	
		Mới	Cũ	Mới	Th.đổi (%)		2024F	2025F	2024F	2025F	2024F	2025F
ACB	22,650	Mua vào	-	29,300	-	29.4	6.93	6.60	1.39	1.21	3.34	3.84
BID	38,350	Tăng tỷ trọng	-	42,500	-	10.8	10.5	9.81	1.89	1.60	0	1.04
CTG	45,050	Mua vào	-	50,000	-	11.0	9.54	7.59	1.64	1.37	0	0
HDB	24,400	Mua vào	-	28,200	-	15.6	6.62	5.58	1.56	1.25	4.10	2.05
LPB	34,600	Bán ra	-	21,700	-	(37.3)	10.6	9.78	2.38	2.25	0	7.23
MBB	27,200	Mua vào	-	29,900	-	9.93	7.27	6.73	1.48	1.24	1.61	1.10
MSB	13,250	Mua vào	-	14,900	-	12.5	6.24	6.03	0.94	0.81	0	0
OCB	12,200	Nắm giữ	-	12,700	-	4.10	9.48	9.01	0.95	0.90	0	5.74
STB	50,200	Tăng tỷ trọng	-	50,100	-	(0.20)	9.38	8.12	1.72	1.44	-	-
TCB	36,250	Tăng tỷ trọng	-	36,400	-	0.41	11.9	10.1	1.76	1.65	4.14	2.76
TPB	15,100	Tăng tỷ trọng	-	15,900	-	5.30	6.57	6.11	1.06	1.01	3.31	6.62
VCB	61,900	Tăng tỷ trọng	-	66,300	-	7.11	15.3	14.8	2.60	2.09	0	0
VIB	17,100	Tăng tỷ trọng	-	17,807	-	4.13	8.03	7.15	1.39	1.22	4.10	3.59
VPB	21,350	Mua vào	-	23,000	-	7.73	10.7	8.68	1.19	1.07	4.68	2.34

*Giá cổ phiếu tại ngày 18/7/2025.
 Nguồn: Công ty, FactSet, HSC*

Mục lục

Bước lên một tiêu chuẩn quản trị rủi ro cao hơn	3
Triển khai thành công khuôn khổ Basel 2 và tiến tới khuôn khổ Basel 3	3
Những thay đổi chính ở Basel 3.....	4
Yêu cầu vốn cao hơn, cả về định tính và định lượng	4
Thay đổi công thức tính vốn.....	4
Cập nhật tính toán RWA	5
Điều chỉnh phương pháp tiêu chuẩn.....	5
Giới thiệu phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB).....	6
Thay đổi cách tính rủi ro hoạt động.....	8
Áp dụng Basel 3: Lợi ích và thách thức cho các NHTM	8
Sức ép tăng vốn: Không cấp bách nhưng cần thiết trong trung hạn.....	8

Bước lên một tiêu chuẩn quản trị rủi ro cao hơn

Sau khi hầu hết các ngân hàng áp dụng khuôn khổ Basel 2, NHNN ban hành Thông tư 14/2025 theo khuôn khổ Basel 3, đặt ra yêu cầu về hệ số CAR tối thiểu 8% vào năm 2030 và tổng hệ số CAR & CCB đạt tối thiểu 10,5% chậm nhất vào năm 2033, đồng thời cập nhật cách tính vốn, tín dụng & rủi ro hoạt động. Khung pháp lý mới này được kỳ vọng sẽ có lợi cho các ngân hàng vì các NHTM sẽ được phép chủ động hơn khi đánh giá rủi ro, phân bổ tài sản và tối ưu hóa vốn. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, hệ số CAR thường được cải thiện theo khuôn khổ Basel 3, cho thấy sức ép tăng vốn trong ngắn hạn là không lớn. Tuy nhiên, các ngân hàng hiện có vốn thấp hoặc có kế hoạch tăng trưởng tham vọng có thể vẫn cần cải thiện nền vốn thông qua lợi nhuận giữ lại hoặc phát hành vốn trong những năm tới.

Triển khai thành công khuôn khổ Basel 2 và tiến tới khuôn khổ Basel 3

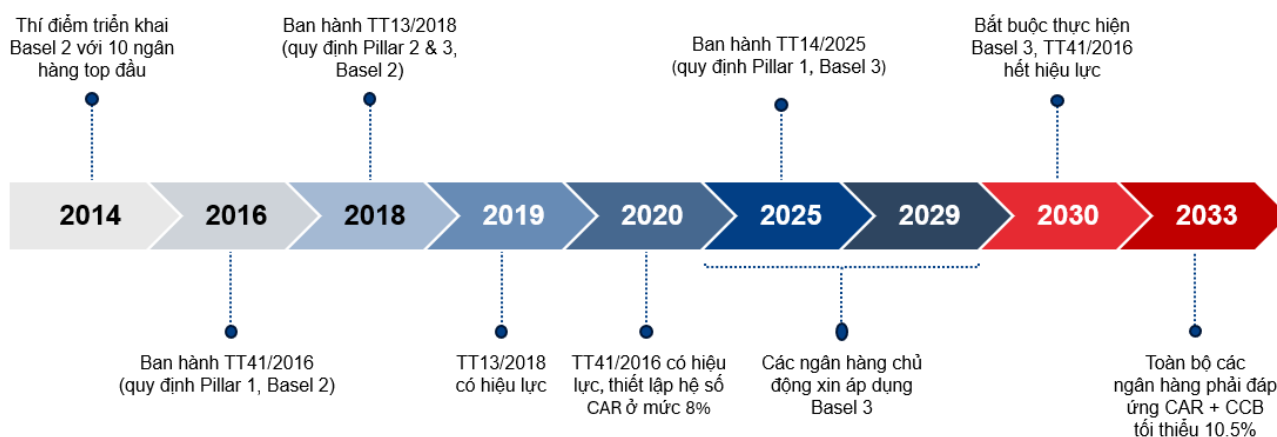
Vào năm 2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bắt đầu triển khai khuôn khổ Basel 2 thông qua một chương trình thí điểm với sự tham gia của 10 NHTM hàng đầu Việt Nam. Sau đó, Thông tư 41/2016 được ban hành quy định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ở mức 8%, áp dụng phương pháp tiêu chuẩn thuộc Trụ cột 1, và Thông tư 13/2018 tập trung vào giám sát và kỷ luật thị trường thuộc Trụ cột 2 và 3.

Hiện nay, hầu hết các ngân hàng Việt Nam đã áp dụng thành công khuôn khổ Basel 2, đạt hệ số CAR bình quân 12,5%, cao hơn nhiều so với mức tối thiểu yêu cầu. Một số ngân hàng thậm chí đã bắt đầu thí điểm áp dụng Basel 3.

Để tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng và củng cố tính ổn định tài chính tổng thể, NHNN gần đây đã ban hành Thông tư 14/2025, thay thế Thông tư 41/2016 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung). Thông tư mới này có hiệu lực từ ngày 15/9/2025, cho phép các ngân hàng tự nguyện áp dụng Basel 3 cho đến hết năm 2029 sau đó sẽ bắt buộc phải tuân thủ kể từ tháng 1/2030. Thông tư sửa đổi các phương pháp tính toán rủi ro vốn, rủi ro tín dụng & rủi ro hoạt động, trong khi giữ nguyên phương pháp tính toán rủi ro thị trường.

Biểu đồ 1: Lộ trình triển khai chuẩn mực Basel của các ngân hàng Việt Nam

Phần lớn các ngân hàng đã hoàn tất việc áp dụng Basel 2 và đang tiến tới triển khai Basel 3



Nguồn: NHNN, HSC

Bảng 2: Hệ số CAR bình quân của các NHTM, ngành Ngân hàng

Phần lớn các ngân hàng đã áp dụng chuẩn mực Basel 2. Hệ số CAR của nhóm các NHTM có vốn Nhà nước duy trì ở mức khiêm tốn.

Phân loại	Tổng nguồn vốn (nghìn tỷ đồng)	Hệ số CAR
Ngân hàng áp dụng Thông tư 41/2016 (Basel 2)	2,141	12.5%
Nhóm NHTM có vốn Nhà nước	755	10.6%
Nhóm NHTM tư nhân	1,032	12.2%
Ngân hàng nước ngoài – Chi nhánh	354	23.3%
Ngân hàng áp dụng Thông tư 22/2019 (Basel 1.5)	18	12.5%
Nhóm NHTM có vốn Nhà nước	-	-
Nhóm NHTM tư nhân	14	12.5%
Ngân hàng nước ngoài – Chi nhánh	-	-
Ngân hàng hợp tác xã	4	12.5%

*Ghi chú: Không bao gồm các ngân hàng có vốn chủ sở hữu âm
Nguồn: NHNN, dữ liệu tính đến cuối tháng 11/2024*

Những thay đổi chính ở Basel 3

Yêu cầu vốn cao hơn, cả về định tính và định lượng

Thông tư yêu cầu hệ số CAR tối thiểu ở mức 8% và tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu 6% (quy định trước đây đã có định nghĩa về vốn cấp 1 nhưng không nêu rõ mức tối thiểu). Thông tư cũng giới thiệu về một tỷ lệ vốn mới: tỷ lệ vốn lõi cấp 1 tối thiểu ở mức 4,5%. Những chỉ số mới này nhấn mạnh trọng tâm nâng cao chất lượng vốn và sự vững mạnh về cấu trúc thay vì chỉ tập trung vào quy mô vốn. Tác động ngắn hạn đối với các ngân hàng trong phạm vi phân tích dự kiến là không đáng kể do vốn lõi cấp 1 hiện chiếm phần lớn tổng vốn.

Ngoài ra, thông tư còn giới thiệu bộ đệm an toàn vốn (CBB), có tính chất của vốn cốt lõi cấp 1, bắt đầu từ 0,625% trong năm đầu (muộn nhất là năm 2030) và tăng dần lên 2,5% trong 4 năm tiếp theo. Do đó, tổng hệ số CAR & CCB sẽ đạt 10,5% muộn nhất vào năm 2033. Mặc dù không bắt buộc nhưng hệ số CCB sẽ hạn chế khả năng chi trả cổ tức bằng tiền mặt của các ngân hàng. Các ngân hàng chỉ được phép chi trả cổ tức nếu duy trì được tổng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định (hệ số CAR, vốn cấp 1 và vốn lõi cấp 1), bao gồm cả hệ số CCB.

Ngoài ra, thông tư còn giới thiệu tỷ lệ bộ đệm vốn phản chu kỳ (CCyB), dao động từ 0%-2,5%. NHNN có thể kích hoạt bộ đệm này trong giai đoạn tăng trưởng tín dụng quá nóng và rút lại khi tình hình trở lại bình thường, nhằm mục đích tăng cường tính ổn định của hệ thống ngân hàng và hỗ trợ sự ổn định của nền kinh tế.

Nhìn chung, Thông tư 14 không chỉ nâng cao tiêu chuẩn về vốn của các ngân hàng về mặt lượng mà cả về mặt chất. Cả yêu cầu về hệ số CAR, tỷ lệ vốn lõi cấp 1, tỷ lệ vốn cấp 1, hệ số CCB và hệ số CCyB đều phù hợp với khuôn khổ Basel 3.

Bảng 3: Các tỷ lệ quan trọng theo quy định mới

Tổng tỷ lệ an toàn vốn (CAR) và bộ đệm bảo toàn vốn (CCB) được yêu cầu tăng lên 10,5% sau 4 năm triển khai

	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
Bộ đệm bảo toàn vốn (CCB)	0.625%	1.25%	1.875%	2.5%
Vốn cấp 1 cốt lõi & CCB	5.125%	5.75%	6.375%	7.0%
Vốn cấp 1 & CCB	6.625%	7.25%	7.875%	8.5%
CAR & CCB	8.625%	9.25%	9.875%	10.5%

Nguồn: NHNN, HSC

Thay đổi công thức tính vốn

Thông tư 14 quy định chi tiết hơn về cách tính vốn cấp 1 và vốn cấp 2 và vốn lõi cấp 1. Ngoài ra, thông tư còn phân biệt rõ ràng giữa các khoản mục được loại trừ khỏi vốn cấp 1 và vốn cấp 2, tách thành hai danh sách riêng biệt.

Đối với vốn lõi cấp 1, vốn này bao gồm cổ phiếu phổ thông, các quỹ và dự trữ, lợi nhuận chưa phân phối cùng một số khoản bổ sung và khấu trừ. Vốn cấp 1 bằng vốn lõi cấp 1 cộng với các công cụ bổ sung vốn cấp 1 có đặc điểm tương tự như các công cụ vốn CSH có tính chất nợ (ví dụ: cổ phiếu ưu đãi). Tuy nhiên, vốn cấp 1 của các

ngân hàng Việt Nam hiện nay gần như toàn bộ là vốn lõi cấp 1 vì các công cụ bổ sung vốn cấp 1 không được sử dụng phổ biến trong ngành.

Những điều chỉnh này cùng với những yêu cầu khắt khe hơn về tỷ lệ vốn lõi cấp 1 và tỷ lệ vốn cấp 1 đã được nêu trước đó, phản ánh một sự chuyển dịch chính sách có chủ đích nhằm bắt buộc các ngân hàng phải nâng cao chất lượng vốn. Điều này cũng thay đổi hành vi của các ngân hàng ở bên phần tài sản vì tài sản không cốt lõi (ví dụ: tài sản vô hình, đầu tư vào các tổ chức khác) càng cao hoặc trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu càng thấp thì mức khấu trừ vốn sẽ càng cao.

Những thay đổi chính ở công thức tính vốn như sau:

Bảng 4: Những thay đổi chính trong công thức tính vốn

Thông tư 14 quy định chi tiết hơn về cách tính vốn cấp 1 và vốn cấp 2

Quy định mới	Quy định hiện tại	Tác động lên nguồn vốn
Vốn lõi cấp 1/vốn cấp 1		
Thêm các công cụ bổ sung vốn cấp 1 có đặc điểm tương tự như các công cụ vốn CSH có tính chất nợ.	Công cụ vốn CSH có tính chất nợ được bao gồm trong vốn cấp 2 (thay vì vốn cấp 1).	Tác động tích cực tới vốn cấp 1 nhưng tác động không đáng kể tới tổng vốn.
Bổ sung các quỹ khác thuộc vốn CSH.	Bao gồm trong vốn cấp 2 (thay vì vốn cấp 1).	Tác động tích cực tới vốn cấp 1 nhưng tác động không đáng kể tới tổng vốn.
Trừ đi chênh lệch dương giữa tổn thất dự kiến và dự phòng rủi ro. Điều này chỉ áp dụng cho các ngân hàng chỉ sử dụng phương pháp IRB.	N/A	Tác động trái chiều. Trích lập dự phòng không đủ có thể giảm vốn cấp 1.
Trừ đi một phần của tài sản cố định vô hình và tài sản thuê thu nhập hoãn lại vượt quá ngưỡng quy định.	N/A	Tiêu cực. Các NHTM có tài sản cố định vô hình cao hơn sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn.
Trừ một phần của đầu tư vào các tổ chức khác được tài trợ từ vốn CSH vượt quá ngưỡng quy định.	Trước đó bị trừ khỏi tổng vốn.	Tác động tiêu cực lên tỷ lệ vốn cấp 1 nhưng tác động không đáng kể tới tổng vốn.
Vốn cấp 2		
Không bao gồm công cụ vốn CSH có tính chất nợ vào vốn cấp 2 (nhiều khả năng bao gồm trong vốn cấp 1 theo quy định mới).	Công cụ vốn CSH có tính chất nợ được bao gồm trong vốn cấp 2.	Tác động tiêu cực lên tỷ lệ vốn cấp 2 nhưng tác động không đáng kể tới tổng vốn.
Phương pháp tiêu chuẩn: Thêm 80% dự phòng chung Phương pháp IRB: Thêm phần chênh lệch dương giữa dự phòng rủi ro và tổn thất dự kiến. (*)	Phương pháp tiêu chuẩn: Thêm 80% dự phòng chung.	Đối với ngân hàng áp dụng phương pháp IRB, dự phòng vượt mức có thể nâng vốn cấp 2.
Trừ phần giá trị chênh lệch dương giữa giá trị khoản mục ở trên (*) và 1,25% "Tổng tài sản có rủi ro tín dụng khách hàng" hoặc 0,6% "Tổng tài sản có rủi ro tín dụng khách hàng" theo IRB.	N/A	Trái chiều. Trích lập dự phòng không đủ có thể giảm vốn cấp 2.
Trừ một phần đầu tư vào tổ chức khác được tài trợ bằng nợ thứ cấp, cao hơn một mức nhất định.	Trừ khỏi tổng vốn.	Tác động tiêu cực lên tỷ lệ vốn cấp 2 nhưng tác động không đáng kể tới tổng vốn.

Nguồn: NHNN, HSC

Cập nhật tính toán RWA

Rủi ro tín dụng là cấu phần lớn nhất trong tính toán hệ số CAR. Hiện tại, tính toán rủi ro tín dụng được thực hiện theo phương pháp tiêu chuẩn Basel 2, trong đó tài sản được phân loại thành các nhóm với trọng số rủi ro (RW) cụ thể do NHNN quy định. Những trọng số rủi ro này điều chỉnh tổng giá trị tài sản và tạo ra tổng tài sản có rủi ro tín dụng (RWA). Theo quy định mới, các ngân hàng sẽ có hai lựa chọn áp dụng, sử dụng phương pháp tiêu chuẩn hoặc sử dụng phương pháp IRB để xác định RWA.

Điều chỉnh phương pháp tiêu chuẩn

Đối với phương pháp tiêu chuẩn, Thông tư 14/2025 đưa ra một số sửa đổi để phù hợp hơn với Basel 3. Những thay đổi chính bao gồm:

- **Giảm hệ số rủi ro cho các khoản vay DNNVV** từ 90% xuống 85% theo tiêu chuẩn Basel 3.
- **Giảm trọng số rủi ro cho các khoản vay doanh nghiệp** có vốn CSH âm, từ 250% xuống 200%. Tuy nhiên, mức này vẫn cao hơn hệ số rủi ro tối đa cho các khoản vay doanh nghiệp theo Basel 3, hiện là 150%.
- **Phân loại cụ thể hơn cho các khoản vay chuyên biệt.** Phân biệt rõ ràng giữa giai đoạn tiền vận hành và giai đoạn vận hành trong tài trợ dự án. Cấp tín dụng giai đoạn vận hành dự án cùng với cấp tín dụng tài trợ hàng hóa, được áp dụng trọng số rủi ro thấp hơn, phù hợp với các khuyến nghị của Basel 3.

- **Điều chỉnh cách tiếp cận đối với cho vay bất động sản**, tập trung hơn vào yếu tố rủi ro của BĐS. BĐS được phân loại thành *đủ tiêu chuẩn* hoặc *không đủ tiêu chuẩn* dựa trên tình trạng xây dựng, tình trạng pháp lý và liệu ngân hàng có quyền hợp pháp để xử lý tài sản thế chấp hay không. Sự khác biệt chính giữa khoản cho vay BĐS *đủ tiêu chuẩn* và *không đủ tiêu chuẩn* nằm ở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất & quyền sở tài sản trên đất hợp lệ. Các khoản vay được bảo đảm bằng BĐS hoặc dự án đủ tiêu chuẩn sẽ được hưởng trọng số rủi ro thấp hơn. Những yếu tố khác ảnh hưởng đến trọng số rủi ro của khoản vay được bảo đảm bằng BĐS bao gồm: Hệ số LTV, loại hình BĐS (nhà ở hoặc thương mại) và nguồn trả nợ (nguồn thu nhập khác hoặc phụ thuộc hoàn toàn vào tài sản thế chấp).

Nhìn chung, HSC tin rằng các NHTM sẽ hưởng lợi từ những quy định mới vì giới hạn trên của trọng số rủi ro cho từng loại tài sản vẫn gần như không đổi, trong khi giới hạn dưới đã được giảm xuống. Những thay đổi này nhằm phân hóa rủi ro giữa các nhóm tài sản, từ đó có thể giảm RWA bình quân cho những phân khúc rủi ro thấp hơn trong danh mục cho vay của các ngân hàng. Ngoài ra, những thay đổi này có thể khuyến khích các ngân hàng chuyển dịch dòng vốn cho vay sang các khoản vay và dự án chất lượng cao hơn, đặc biệt là ở ngành BĐS. Đáng chú ý, khung pháp lý mới có vẻ chặt chẽ hơn và áp dụng trọng số rủi ro cao hơn cho một số loại tài sản so với Basel 3.

Bảng 5: So sánh quy định hiện tại, Thông tư 14 và Basel 3

Nhìn chung, quy định mới được kỳ vọng sẽ giúp các ngân hàng giảm RWA bình quân

Tiêu chí	Quy định cũ	Thông tư 14/2025	Basel 3	Ghi chú
Các khoản vay ngoài BĐS				
Bán lẻ	75%	75%	75%	Theo quy định trước đây, chỉ các khoản vay cá nhân mới được coi là khoản vay bán lẻ trong khi Thông tư 14 bổ sung thêm các khoản vay của các tổ chức không có tư cách pháp nhân. Cả hai quy định đều loại trừ các DNNVV có đặc điểm bán lẻ, vốn nằm trong phạm vi áp dụng của Basel 3.
Nông nghiệp	50%	50%	N/A	
DNNVV	90%	85%	85%	
Doanh nghiệp lớn	50%-250%	50%-200%	20%-150%	Khung pháp lý mới sử dụng cùng cách phân loại như quy định trước đó, dựa trên doanh thu, tỷ lệ đòn bẩy và giá trị vốn CSH. Trong Basel 3, việc phân loại dựa trên xếp hạng tín dụng bên ngoài.
Khoản cấp tín dụng chuyên biệt (tài trợ dự án, tài trợ máy móc, thiết bị, tài trợ hàng hóa)	160%-250%	100%-200%	80%-150%	Thông tư 14 áp dụng các tiêu chuẩn mới từ Basel 3, bao gồm việc phân chia các dự án thành giai đoạn tiền vận hành (có trọng số rủi ro cao hơn) và giai đoạn vận hành (có trọng số rủi ro thấp hơn). Tài trợ hàng hóa cũng được áp dụng trọng số rủi ro thấp hơn theo quy định mới, phù hợp với Basel 3.
Cho vay đầu tư chứng khoán/cho vay ký quỹ	150%	150%	N/A	
Cho vay BĐS				
Cho vay nhà ở xã hội	20%-50%	20-50%	N/A	Thay đổi quan trọng nằm ở tiêu chí phân loại. Quy định mới và Basel 3 tập trung vào các yếu tố rủi ro của BĐS (tình trạng xây dựng và tình trạng pháp lý) bên cạnh nguồn tiền trả nợ và hệ số LTV. Ngược lại, quy định trước đây phân loại các khoản vay BĐS chủ yếu dựa trên hai yếu tố phía sau và chỉ số khả năng thanh toán nợ.
BĐS nhà ở	25%-100%	25%-150%	20%-150%	
BĐS thương mại	75%-200%	50%-200%	20%-150%	
Khác				
Nợ xấu	50%-150%	100%-150%	100%-150%	

Nguồn: NHNN, BIS, HSC

Giới thiệu phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB)

Khung pháp lý mới giới thiệu phương pháp IRB để tính RWA, đánh dấu lần đầu tiên phương pháp này được áp dụng tại Việt Nam, trong khi quy định hiện hành chỉ áp dụng phương pháp tiêu chuẩn theo Basel 2. Để chính thức áp dụng phương pháp IRB, các ngân hàng cần phải:

- Hoàn thành giai đoạn 2 năm thử nghiệm.
- Nộp kế hoạch triển khai toàn diện kèm theo kết quả áp dụng mô hình IRB, yêu cầu đánh giá độc lập bởi bên thứ ba.
- Cung cấp tất cả tài liệu cần thiết để NHNN đánh giá, sau đó có thể phê duyệt việc triển khai phương pháp IRB chính thức trong thời gian đánh giá tối đa 12 tháng.

Những thông tin quan trọng:

- Không phải tất cả tài sản trong bảng CĐKT đều phải áp dụng phương pháp IRB. Các tài sản như các khoản phải đòi chính phủ, tổ chức tài chính và cho vay chuyên biệt sẽ tiếp tục sử dụng phương pháp tiêu chuẩn. Các ngân hàng có thể lựa chọn giữa phương pháp tiêu chuẩn và IRB cho từng phân khúc như sau: (1) Doanh nghiệp và DNNVV (không bao gồm cho vay chuyên biệt): phương pháp tiêu chuẩn hoặc phương pháp IRB cơ bản (F-IRB) và (2) Bán lẻ: phương pháp tiêu chuẩn hoặc phương pháp IRB nâng cao (A-IRB).
- Các ngân hàng áp dụng phương pháp IRB phải đảm bảo bao phủ tối thiểu 70% RWA cho các loại tài sản được lựa chọn.
- Tỷ lệ sản đầu ra là 72,5%, phù hợp với Basel 3, đảm bảo RWA được tính toán theo phương pháp IRB không thấp hơn 72,5% RWA được tính toán theo phương pháp tiêu chuẩn.

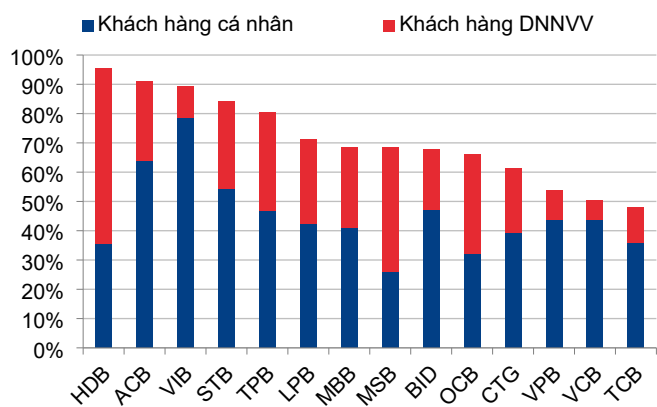
Các thước đo được sử dụng trong phương pháp IRB bao gồm xác suất vỡ nợ (PD), tỷ lệ tổn thất khi khách hàng vỡ nợ (LGD), kỳ hạn hiệu lực của khoản phải đòi (M). Cụ thể như sau:

- F-IRB cho các khoản phải đòi doanh nghiệp lớn và DNNVV: Các ngân hàng tự tính toán PD, trong khi NHNN cung cấp các thông số cho LGD, EAD và M.
- A-IRB cho khoản phải đòi bán lẻ: Các ngân hàng có toàn quyền tự chủ trong việc tính toán tất cả các thông số.
- Tuy nhiên, NHNN thiết lập ngưỡng PD tối thiểu trên tất cả các khoản phải đòi và LGD tối thiểu cho các khoản phải đòi bán lẻ.
- Mô hình F-IRB cũng bao gồm hệ số tương quan khi tính toán vốn. So với các khoản phải đòi của khách hàng doanh nghiệp lớn, các khoản phải đòi của DNNVV (khách hàng có doanh thu hàng năm từ 200-300 tỷ đồng, tương đương khoảng 8-12 triệu USD tùy thuộc vào ngành) có hệ số tương quan thấp hơn, do đó làm giảm yêu cầu về vốn so với các khoản phải đòi của khách hàng doanh nghiệp lớn.

Theo đánh giá của chúng tôi, phương pháp tiêu chuẩn thường đặt ra ước tính rủi ro thận trọng hơn so với phương pháp IRB, do đó NHNN áp dụng mức sản đầu ra 72,5% để đảm bảo mức sự thận trọng trong việc tính toán RWA theo phương pháp IRB. Mặc dù việc triển khai ban đầu có thể gặp phải những thách thức liên quan đến chất lượng và tính khả dụng của dữ liệu lịch sử, việc áp dụng phương pháp IRB được kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể độ chính xác của việc đo lường rủi ro, nâng cao hiệu quả phân bổ vốn và có thể giảm RWA tổng thể. Do đó, những NHTM có cơ sở hạ tầng dữ liệu mạnh mẽ và hệ thống xếp hạng nội bộ tiên tiến sẽ có động lực để chuyển đổi sang phương pháp IRB.

Biểu đồ 6: Dư nợ cho vay bán lẻ và cho vay DNNVV, các NHTM trong phạm vi phân tích của HSC

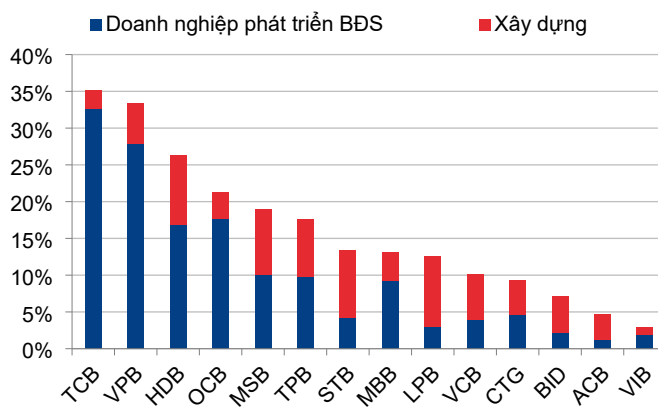
Cho vay KH cá nhân và DNNVV có tiềm năng được hưởng lợi nhiều hơn



Nguồn: Dữ liệu các ngân hàng, HSC ước tính

Biểu đồ 7: Dư nợ cho vay BĐS và xây dựng, các NHTM trong phạm vi phân tích của HSC

Hoạt động cấp vốn cho các dự án BĐS được dự báo sẽ hưởng lợi ít hơn



Nguồn: Dữ liệu các ngân hàng, HSC ước tính

Thay đổi cách tính rủi ro hoạt động

Hiện nay, các ngân hàng áp dụng phương pháp BIA theo Basel 2. Theo phương pháp này, các ngân hàng phải tính toán rủi ro hoạt động bằng 15% (một tỷ lệ alpha cố định do Ủy ban Basel quy định) trung bình hàng năm của tổng thu nhập gộp dương (Chỉ số Kinh doanh - BI) trong 3 năm trước đó.

Thông tư 14/2025 áp dụng phương pháp tiêu chuẩn từ Basel 3. Theo phương pháp này, cấu phần rủi ro hoạt động được tính bằng cách nhân cấu phần chỉ số kinh doanh (BIC) với hệ số tổn thất nội bộ (ILM). Cụ thể:

- BIC được tính bằng cách nhân các chỉ số BI của ngân hàng với hệ số biên do cơ quan quản lý xác định (alpha).
- ILM là hệ số tỷ lệ dựa trên mức tổn thất hoạt động bình quân trong quá khứ của mỗi ngân hàng.

Những khác biệt chính bao gồm:

- Tỷ lệ phần trăm alpha khác biệt, hiện ở mức 12%, 15% hoặc 18%, tùy thuộc vào quy mô của BI, trái ngược với tỷ lệ đồng nhất trước đây là 15%.
- Kết hợp yếu tố ILM, vốn không có trong khuôn khổ trước đây.

Mặc dù những điều chỉnh này có thể làm giảm nhẹ rủi ro vốn hoạt động bắt buộc do yếu tố ILM, nhưng tác động chung đến hệ số CAR của các ngân hàng ước tính là không đáng kể, xét đến việc rủi ro hoạt động thường chỉ chiếm chưa đến 15% tổng vốn bắt buộc theo ủy ban Basel.

Áp dụng Basel 3: Lợi ích và thách thức cho các NHTM

Tác động của các quy định mới lên hệ số CAR có thể sẽ khác nhau đáng kể giữa các ngân hàng, do sự khác biệt trong cơ cấu danh mục cho vay, cơ sở dữ liệu và thông lệ kiểm soát rủi ro nội bộ, cũng như các điều chỉnh quy định cụ thể mà mỗi ngân hàng phải đối mặt.

Lợi ích của việc áp dụng quy định mới:

- Có khả năng giảm RWA bình quân và cải thiện hệ số CAR, đặc biệt là các ngân hàng áp dụng phương pháp IRB.
- Cải thiện khung & thông lệ quản trị rủi ro.
- Tăng cường tính ổn định của hệ thống ngân hàng, do yêu cầu về vốn, bao gồm hệ số CCB, cao hơn so với các quy định trước đây.

Thách thức:

- Việc thiếu cơ sở dữ liệu và cơ sở hạ tầng đầy đủ có thể cản trở việc áp dụng phương pháp IRB.
- Một số ngân hàng hiện có tỷ lệ vốn cấp 1 thấp có thể cần giữ lại lợi nhuận hoặc huy động vốn để đáp ứng các tiêu chuẩn mới trong khi theo đuổi mục tiêu tăng trưởng tài sản.
- Việc không duy trì và cải thiện hệ số CCB sẽ hạn chế khả năng chi trả cổ tức tiền mặt của các ngân hàng.

HSC tin rằng các ngân hàng đã tuân thủ Basel 2 có thể sẽ sớm áp dụng phương pháp tiêu chuẩn theo khung pháp lý mới, nhằm hưởng lợi từ tiềm năng giảm RWA, đặc biệt là vì những thay đổi về phân loại tài sản theo phương pháp tiêu chuẩn sửa đổi tương đối dễ thực hiện. Ngược lại, các ngân hàng có thể sẽ mất thêm nhiều thời gian hơn để triển khai phương pháp IRB.

Sức ép tăng vốn: Không cấp bách nhưng cần thiết trong trung hạn

Kinh nghiệm quốc tế: Ủy ban Basel ước tính việc triển khai đầy đủ khuôn khổ Basel 3 có thể giảm 80 điểm cơ bản yêu cầu vốn cấp 1 đối với các ngân hàng lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Fitch Ratings cũng cho biết tỷ lệ vốn cấp 1 của các ngân

hàng Úc đã cải thiện 100 điểm cơ bản khi triển khai Basel 3, chủ yếu nhờ cách tính RWA tối ưu hơn và ít thận trọng hơn.

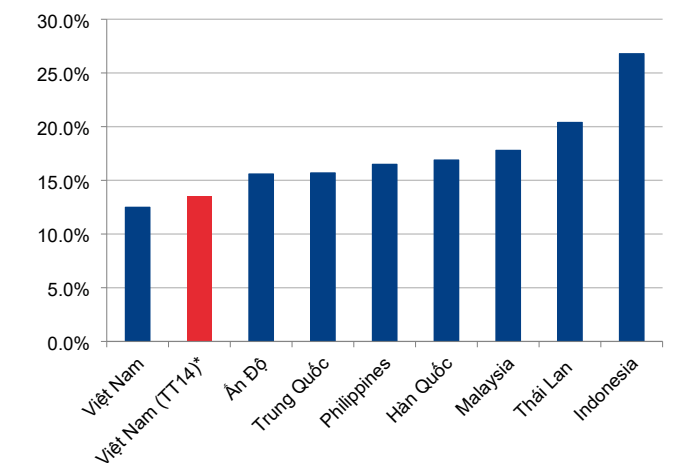
Trong bối cảnh ngân hàng Việt Nam, một số ngân hàng - bao gồm OCB, HDB, VIB, NAB, SSB, LPB, TCB, VPB, STB, MSB, ABB - cho biết đã hoàn thành thành công các đánh giá nội bộ về Basel 3. Một số ngân hàng như Vietcombank (VCB; Mua vào, 66.300đ) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB; Mua vào, 29.300đ) cho biết hệ số CAR có xu hướng ổn định và cải thiện sau khi những đánh giá nội bộ về Basel 3.

Hệ số CAR của các ngân hàng Việt Nam vẫn tương đối thấp so với các ngân hàng trong khu vực, ngay cả sau khi áp dụng Basel 3 theo Thông tư 14. Tình trạng thiếu vốn tác động nhiều hơn đến các NHTM có vốn nhà nước so với các NHTM tư nhân. Mặc dù nhiều ngân hàng hiện có đủ vốn để đáp ứng quy định sắp tới nhưng một số ngân hàng như STB, BID và CTG có thể sẽ cần thêm vốn, thông qua lợi nhuận giữ lại hoặc phát hành tăng vốn, để tuân thủ các quy định nghiêm ngặt hơn của Basel 3. Ngoài ra, những ngân hàng như MBB và HDB, mặc dù hiện đáp ứng các quy định về vốn, cũng có thể cần tăng vốn để hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng tài sản tham vọng.

Mặc dù việc dự báo chính xác hệ số CAR trong tương lai là rất khó, chúng tôi cho rằng chênh lệch hiện tại giữa các ngân hàng Việt Nam và khu vực sẽ vẫn tồn tại, do tăng trưởng tín dụng của Việt Nam cao hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào tín dụng ngân hàng so với khu vực.

Biểu đồ 8: Hệ số CAR năm 2024, Việt Nam và các quốc gia trong khu vực

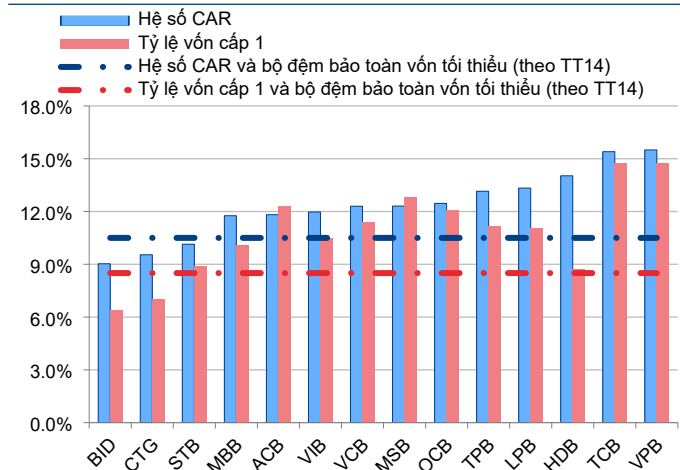
Hệ số CAR của các ngân hàng Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện, tuy nhiên nhiều khả năng vẫn sẽ duy trì khoảng cách so với các nước trong khu vực



Ghi chú: * là dự báo của HSC.
Nguồn: NHNN, CEIC

Biểu đồ 9: Hệ số CAR và tỷ lệ vốn cấp 1, các NHTM trong phạm vi phân tích của HSC

Phần lớn các ngân hàng sẽ không chịu áp lực đáng kể về vốn trong ngắn hạn



Dữ liệu cuối năm 2024
Nguồn: Dữ liệu các ngân hàng, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn